TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 11/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang
Ông Đinh Đăng Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Toà án nhân dân huyện B;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2019/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Triệu Hữu T. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 23/4/1974 tại Bắc Kạn

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Sinh P và bà Lý Thị C (đã chết); có vợ là Hoàng Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

2. Hoàng Thị L. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 23/10/1977 tại Bắc Kạn.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ và bà Triệu Thị L (đều đã chết); có chồng là Triệu Hữu T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật là ông Nông Quốc D – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B; đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn K – Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B. Văn bản uỷ quyền số 799/UBND – NC ngày 19 tháng 6 năm 2019 – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 05/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B nhận được công văn số 58/CV – UBND ngày 28/12/2018 của Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn về việc chuyển hồ sơ điều tra xử lý vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra khoảng tháng 11 năm 2018 tại khu rừng K thuộc thôn P, xã M, huyện B. Địa điểm khai thác: Theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2012 thuộc lô 26 thửa số 407 khảnh 10 tiểu khu 385 thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - trạng thái rừng hỗn giao gỗ – nứa (HG1), tên chủ quản lý là Triệu Hữu T; theo bản đồ qui hoạch 3 loại rừng năm 2007 thuộc lô 3 khoảnh 1 tiểu khu 385 thôn P, xã M – chức năng rừng sản xuất. Số cây gỗ bị cắt hạ gồm 55 cây gỗ tròn nhóm V đến nhóm VIII. Đối tượng khai thác là Triệu Hữu T – sinh năm 1974 trú tại thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ việc, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành điều tra, xác minh làm rõ nội dung như sau:

Khoảng tháng 10/2018, Triệu Hữu T (sinh năm 1974) và Hoàng Thị L (sinh năm 1977) cùng trú tại thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bàn bạc thống nhất với nhau về việc sử dụng cưa máy (cưa lốc) để cắt đổ các cây gỗ tại khu rừng K thuộc thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn với mục đích lấy gỗ về sử dụng (khu rừng trên T, L đã được Uỷ ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận ngày 24/12/2018). Vào một ngày của tháng 11/2018 T cùng L sử dụng 01 cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365 của gia đình đến khu rừng K thuộc thôn P, xã M, đến nơi T và L thay nhau sử dụng cưa máy cưa đổ các cây gỗ tại khu rừng này. T, L chọn những cây gỗ to cây còn sống, lá còn xanh, thân thẳng để cưa trước, sau đó cưa đến những cây gỗ nhỏ hơn. Trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 11 giờ cùng ngày T cùng L cưa đổ tổng số 55 cây gỗ các loại, do các cây gỗ chưa ngót nước nên T, L chưa xẻ được để vận chuyển về nhà sử dụng, còn các cây nhỏ thì đợi khô sẽ cắt khúc mang về nhà làm củi đun.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với 55 cây gỗ các loại (từ nhóm V đến nhóm VIII) có tổng khối lượng 30,377m3 còn tại hiện trường; 55 cây gỗ đều thuộc lô 26 thửa đất số 407 khoảnh 10 tiểu khu 385 thôn P, xã M, huyện B, trạng thái rừng hỗn giao gỗ – nứa theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2012. Đối chiếu với bản đồ qui hoạch 3 loại rừng năm 2007 thì khu rừng nêu trên thuộc lô 3 khoảnh 1 tiểu khu 385 thôn P, xã M, chức năng rừng sản xuất và theo bản đồ điều chỉnh, bổ sung qui hoạch 3 loại rừng năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn thì thộc lô 31 khoảnh 10 tiểu khu 385 thôn P, xã M, trạng thái rừng: Rừng hỗn giao gỗ – tre nứa tự nhiên núi đất, chức năng: Rừng sản suất. Khu rừng trên do Uỷ ban nhân dân huyện B quản lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL - ĐGTS ngày 06/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 55 cây gỗ các loại từ (nhóm V đến nhóm VIII) có tổng khối lượng 30,377m3. Tại thời điểm tháng 11/2018.

* Tổng về giá của tài sản: **57.010.620đ** (*năm mươi bảy triệu không trăm mười nghìn sáu trăm hai mươi đồng*).

Tại bản cáo trạng số 37/CT – VKS – BT ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Triệu Hữu T

và Hoàng Thị L đều về tội "Vi phạm qui định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" qui định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

*** Điều luật có nội dung:**

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp qui định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điểm, khoản, điều luật và tội danh như đã viện dẫn ở trên và đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm tội " Vi phạm qui định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65/BLHS; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Hữu Tàn từ 24 – 30 tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; bị cáo Hoàng Thị Lâm từ 24 – 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và xin được hưởng án treo. Về xử lý vật chứng các bị cáo thi hành theo qui định. Về án phí các bị cáo xin được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà những người tham gia tố tụng không có ý kiến không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà xác định:

- Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Uỷ ban nhân dân huyện B yêu cầu các bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho

Nhà nước nên cơ quan tiến hành tố tụng xác định tư cách tham gia tố tụng của UBND huyện là nguyên đơn dân sự, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt (lập ngày) người đại diện uỷ quyền của UBND có ý kiến không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng của UBND huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

- Về nội dung vụ án: Năm 2008 vợ chồng bị cáo Triệu Hữu T và Hoàng Thị L được Uỷ ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 7697m2 đất rừng sản xuất tại thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tháng 11/2018 do có nhu cầu khai thác gỗ về làm chuồng chăn nuôi gia súc nên T, L đã bàn bạc cùng nhau mang cưa máy lên khu rừng khuổi Lầy cắt đổ 55 cây gỗ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng 30,377m3 gỗ tròn, giá trị bằng tiền là 57.010.620đ. Theo bản đồ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thì vị trí T, L khai thác các cây gỗ trên thuộc lô 31 khoảnh 10 tiểu khu 385 thôn P, xã M, trạng thái rừng hỗn giao gỗ – tre nứa tự nhiên núi đất, chức năng: Rừng sản xuất.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT ngày 08/3/2007 của Bộ NN&PTNT – BTP- BCA – VKSNDTC – TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự thấy việc truy tố, xét xử các bị cáo Triệu Hữu T, Hoàng Thị L về: *Tội vi phạm qui định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản* là có căn cứ pháp luật.

Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cần được xử lý nghiêm bằng hình phạt pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo" qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo T có cha đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo tự giác tạm nộp khoản tiền thi hành án; các bị cáo có đơn xin hưởng án treo và được chính quyền địa phương nơi cư trú đề nghị cho cải tạo tại địa phương, chính quyền sẽ có trách nhiệm giám sát giáo dục; nguyên đơn dân sự đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây cũng là các tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hoá thấp hiểu biết hạn chế; mục đích khai thác gỗ là để sử dụng làm chuồng chăn nuôi gia súc phát triển kinh tế gia đình ngoài ra không có mục đích khác. Khi quyết định hình phạt được xem xét áp dụng biện pháp cải tạo có sự khoan hồng của nhà nước đối với đối tượng nhất thời phạm tội, không cần thiết áp dụng biện pháp phạt tù giam vẫn đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo.

Xét vai trò các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội: Đây là vụ án có hai bị cáo cùng tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, tổ chức bàn bạc với nhau từ trước, vì vậy vai trò trong vụ án là như nhau.

[4]. Trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số gỗ có khối lượng 30,377m3 (gỗ tròn) do các bị cáo chặt hạ còn nguyên tại hiện trường, trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tiến hành thống kê số lượng, xác định khối lượng, chủng loại gỗ; thu hồi giao cho Uỷ ban nhân dân huyện B có trách nhiệm trông coi bảo quản. Vì vậy các bị cáo không phải bồi thường (tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn dân sự cũng không yêu cầu bồi thường).

[5]. Vật chứng: - 01 (một) cưa máy màu đỏ nhãn hiệu HUSQVARNA 365 có lam và xích cũ đã qua sử dụng các bị cáo sử dụng làm phương tiện khai thác gỗ trái phép – tịch thu hoá giá sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số gỗ có khối lượng 30,377m3 gỗ tròn (nhóm V, VI, VII, VIII) giao cho Uỷ ban nhân dân huyện B xử lý theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T, L mỗi người nộp số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tại các biên lai số 09044, 09045 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Tất cả trả lại cho các bị cáo.

[6]. Hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm ruộng, thu nhập thấp, xét không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung và đều thuộc trường hợp được miễn án phí (dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn …, có đơn xin miễn án phí).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Triệu Hữu T và Hoàng Thị L đều phạm tội: **Vi phạm qui định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65/BLHS; Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Triệu Hữu T 24 (*hai mươi tư)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*bốn mươi tám*) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Thị L 24 (*hai mươi tư*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*bốn mươi tám*) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Hữu T, Hoàng Thị L cho Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến

cư trú để tổ chức việc thi hành án theo qui định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

*** Vật chứng**: Căn cứ Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Giao cho Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử lý theo qui định của pháp luật đối với số gỗ tròn có khối lượng là 30,377m3 (nhóm V, VI, VII, VIII) tại khu rừng K thuộc thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (số lượng, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an – Uỷ ban nhân dân huyện B).

- Tịch thu hoá giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) cưa máy màu đỏ nhãn hiệu HUSQVARNA 365 có lam và xích cũ đã qua sử dụng (tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an – Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

- Trả lại bị cáo Triệu Hữu T 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*), Hoàng Thị L 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tại các biên lai số 09044, 09045 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

*** Án phí**: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Hữu T, Hoàng Thị L.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 2;
- Nguyên đơn dân sự 1;
- TAND tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Triệu Thị Huyền